

Số 6004/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí và Phương pháp khảo sát, đo lường
Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2026-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23/4/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 08/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố về xây dựng và triển khai thí điểm mô hình "xã, phường Xã hội chủ nghĩa" trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 29/11/2025 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của HĐND Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND Thành phố về phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm;

Căn cứ Quyết định số 3489/QĐ-UBND ngày 12/7/2026 của UBND Thành phố ban hành Đề án triển khai thí điểm mô hình "xã, phường xã hội chủ nghĩa" trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 30/3/2026 của UBND Thành phố về triển khai Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 17/3/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam;

Căn cứ Kế hoạch số 289/KH-UBND ngày 22/7/2026 của UBND Thành phố về việc thực hiện Đề án triển khai thí điểm mô hình "xã, phường xã hội chủ nghĩa" trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội tại Tờ trình số 858/TTr-VNC ngày 16 tháng 10 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí và Phương pháp khảo sát, đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam Thành phố;
- Viện NCPT KTXH Hà Nội;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- VPUBTP: CVP, các PCVP;
- Các phòng: NC, KT, TH;
- Lưu: VT, NC, VNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Lưu

**BỘ TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT, ĐO LƯỜNG
CHỈ SỐ HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI DÂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6004 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2026
của UBND thành phố Hà Nội)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đo lường kết quả phát triển của Thủ đô Hà Nội từ góc nhìn của người dân, phản ánh mức độ người dân thực sự tiếp cận, thụ hưởng, an toàn, tin tưởng, tham gia và đánh giá chất lượng cuộc sống; làm cơ sở đề xuất giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội.

b) Xây dựng bộ công cụ đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn 2026-2030, phản ánh được 05 nhóm nhu cầu cơ bản của mỗi cá nhân (05 trụ cột): có điều kiện sống, an cư và năng lực, điều kiện để phát triển; có quan hệ để gắn kết, tham gia và cùng hành động; có hệ thống để được bảo đảm và phản hồi; có môi trường, văn hóa và không gian để sống tốt; có niềm tin, sự an toàn, kỷ cương và quyền được tôn trọng..., đồng thời, người dân cảm nhận được tham gia, có tiếng nói, được phản hồi và quyền giám sát xuyên suốt 05 trụ cột; theo dõi Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội, 05 Chỉ số thành phần (05 Trụ cột), 50 tiêu chí và so sánh theo địa phương, nhóm dân cư khi cỡ mẫu bảo đảm tính đại diện, độ tin cậy.

c) Cung cấp thông tin phục vụ công tác xây dựng chính sách, quản trị địa phương và kiểm chứng, đối chiếu với các dữ liệu, số liệu thống kê, kiểm chứng số; chuyển trọng tâm từ “Thành phố đạt được những gì” sang “người dân cảm nhận cuộc sống của mình như thế nào và có thực sự hạnh phúc hay không”.

d) Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội là một kênh thông tin để các cơ quan nhà nước tham khảo phục vụ nghiên cứu, xây dựng, theo dõi và đánh giá chính sách, được sử dụng kết hợp với dữ liệu, số liệu thống kê và các chỉ báo khách quan có liên quan; là cơ sở nghiên cứu xây dựng mô hình quản trị và xây dựng, phát triển xã, phường trên nền tảng "kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà và phát triển"; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng

sống, sự hài lòng, niềm tin và hạnh phúc của Nhân dân góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và xây dựng mô hình “xã, phường Xã hội chủ nghĩa” trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tính khoa học, hiện đại, khách quan, đại diện, minh bạch, khả thi, so sánh, đối chiếu được theo thời gian, dễ áp dụng, phù hợp với thực tiễn trong nước và xu thế của thế giới; phù hợp đặc thù của Thủ đô Hà Nội.

b) Bộ tiêu chí gồm: 50 tiêu chí thuộc 05 trụ cột; mỗi trụ cột 10 tiêu chí. Nội dung các tiêu chí được giữ ổn định trong giai đoạn 2026-2030 để bảo đảm khả năng so sánh; việc điều chỉnh chỉ thực hiện khi có đủ căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học và thực tiễn rõ ràng.

c) Bộ tiêu chí Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội được xây dựng đảm bảo theo 07 yêu cầu: (1) Tham khảo kinh nghiệm quốc tế về các Bộ chỉ số hạnh phúc/phúc lợi của người dân; (2) Phù hợp đặc thù và mục tiêu phát triển Hà Nội; (3) Căn cứ trong hệ thống văn bản Trung ương và Hà Nội, trong đó có Quyết định 3489/QĐ-UBND là căn cứ quan trọng ở cấp xã/phường cấp gần dân nhất; (4) Người dân có thể quan sát, trải nghiệm và cung cấp thông tin khảo sát; (5) Mỗi tiêu chí thành phần mang tính chất đại diện, không trùng lặp nội hàm; (6) có tính ổn định để triển khai đánh giá hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030; (7) Kết quả là một kênh thông tin làm cơ sở nghiên cứu, xây dựng chính sách nhằm nâng cao chất lượng sống, sự hài lòng, niềm tin và hạnh phúc của Nhân dân góp phần thành công trong xây dựng mô hình “xã, phường Xã hội chủ nghĩa” trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

d) Khảo sát trực tiếp (chính thức) bằng bảng hỏi trên giấy hoặc trên thiết bị điện tử (tùy thuộc điều kiện từng giai đoạn) với thiết kế mẫu xác suất; khảo sát trực tuyến trên iHanoi hoặc các nền tảng chính thống khác được lựa chọn là nguồn dữ liệu bổ trợ độc lập để theo dõi xu hướng, cảnh báo sớm và hỗ trợ phân tích, không thay thế và không gộp trực tiếp với mẫu khảo sát chính thức để tính Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội.

e) Dữ liệu, số liệu thống kê và các chỉ báo khách quan được sử dụng để đối chiếu, kiểm chứng và hỗ trợ giải thích, phân tích kết quả Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội; không sử dụng trực tiếp để tính hoặc điều chỉnh điểm Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, CHU KỲ VÀ QUY MÔ MẪU

1. Đối tượng khảo sát

Công dân từ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi, đang cư trú trên địa bàn thành phố Hà Nội; không giới hạn ở người có đăng ký thường trú. Người có đăng ký tạm trú, người thuê nhà và lao động di cư tính đến thời điểm khảo sát được 6 tháng trở lên thuộc đối tượng khảo sát khi đáp ứng điều kiện theo phương án khảo sát hằng năm.

Đối tượng khảo sát là cá nhân; hộ gia đình chỉ là đơn vị trung gian để chọn người và không sử dụng chủ hộ trả lời thay cho thành viên được chọn.

2. Phạm vi và chu kỳ khảo sát

a) Phạm vi khảo sát: 126 xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Năm 2026 là năm cơ sở. Trong giai đoạn 2026 - 2030: Khảo sát trực tiếp được thực hiện trong quý IV hằng năm.

c) Thời kỳ thu thập thông tin đánh giá: Thu thập thông tin về hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội từ ngày 01/01 đến 31/12 hằng năm.

d) Kết quả Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội được tổng hợp, kiểm định và công bố hằng năm, dự kiến vào dịp Ngày Quốc tế Hạnh phúc (ngày 20 tháng 3 hằng năm), phục vụ theo dõi và đề xuất giải pháp cải thiện trong thời gian tiếp theo.

3. Quy mô mẫu trực tiếp

a) Năm 2026: dự kiến 8.860 phiếu hoàn thành, tương ứng khoảng 1% dân số Thủ đô Hà Nội; trong đó 51 phường phân bổ tổng 4.240 phiếu và 75 xã phân bổ tổng 4.620 phiếu. Mẫu trong từng xã, phường được phân bổ tỷ lệ thuận với dân số cập nhật thống kê của đơn vị đó.

b) Từ năm 2027 đến năm 2030: tỷ lệ lấy mẫu trực tiếp tăng lên khoảng 2% dân số và được tính theo dân số thực tế từng năm. Nếu sử dụng cùng quy mô dân số nền công bố năm 2026 để minh họa, tổng mẫu xấp xỉ 17.720 phiếu/năm; số lượng chính thức từng năm được xác định theo tổng dân số và phân bố dân số trong năm đo lường tại Kế hoạch khảo sát, đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội hằng năm.

4. Cách thức chọn mẫu

a) Chọn mẫu khảo sát trực tiếp theo xác suất từng năm: (1) phân bổ mẫu khảo sát mỗi xã/phường theo dân số thống kê hằng năm; (2) chọn tổ dân phố, thôn theo xác suất tỷ lệ với quy mô, với mục tiêu khoảng 25-30 phỏng vấn hoàn thành/tổ dân phố, thôn; (3) lập/cập nhật danh sách hộ hoặc địa chỉ có người cư trú và chọn ngẫu nhiên có hệ thống; (4) trong hộ chọn 01 người từ 18 tuổi trở lên bằng phương pháp ngẫu nhiên hoặc thuật toán ngẫu nhiên tương đương.

b) Lập danh sách dự phòng 15 - 20% địa chỉ/cá nhân so với số phiếu hoàn thành mục tiêu. Mẫu dự phòng không cộng vào cỡ mẫu công bố và chỉ được sử dụng sau khi thực hiện đủ quy trình liên hệ đối với mẫu chính theo quy tắc xác định trước.

Số lượng mẫu trực tiếp, danh sách dự phòng trên địa bàn từng xã/phường được phân bổ cụ thể tại Kế hoạch khảo sát, đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội hằng năm.

III. NỘI DUNG BỘ TIÊU CHÍ, THANG ĐO VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ SỐ HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI DÂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI

1. Nội dung Bộ tiêu chí

Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội, gồm: 05 trụ cột, 50 tiêu chí, mỗi trụ cột 10 tiêu chí. 05 trụ cột gồm:

(1) Trụ cột I. Đời sống kinh tế, việc làm và khả năng phát triển (10 tiêu chí).

Phản ánh nền tảng vật chất và năng lực tự chủ để bảo đảm cuộc sống: mức đủ sống, sức chống chịu tài chính, ổn định và chất lượng việc làm, cân bằng thời gian, cơ hội nghề nghiệp - kinh doanh, triển vọng cải thiện mức sống, quyền tự chủ và khả năng bảo đảm chỗ ở ổn định. Cụ thể:

- *Tiêu chí 1:* Khả năng thu nhập đáp ứng nhu cầu thiết yếu.
- *Tiêu chí 2:* Khả năng dự phòng và chống chịu tài chính.
- *Tiêu chí 3:* Sự ổn định của việc làm, sinh kế và nguồn sống.
- *Tiêu chí 4:* Chất lượng và điều kiện làm việc, sinh kế.
- *Tiêu chí 5:* Cân bằng công việc - cuộc sống.
- *Tiêu chí 6:* Cơ hội tìm việc tốt hơn, phát triển nghề nghiệp và nâng cao thu nhập.
- *Tiêu chí 7:* Cơ hội kinh doanh, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.
- *Tiêu chí 8:* Niềm tin vào triển vọng cải thiện mức sống trong tương lai.
- *Tiêu chí 9:* Quyền tự chủ và khả năng lựa chọn trong những quyết định quan trọng của cuộc sống.
- *Tiêu chí 10:* Khả năng chi trả và sự ổn định về chỗ ở.

(2) Trụ cột II. Mối quan hệ gia đình, cộng đồng và xã hội (10 tiêu chí).

Phản ánh vốn xã hội của hạnh phúc người dân: chất lượng gia đình, hỗ trợ liên thế hệ, có người để dựa vào khi khó khăn, quan hệ xã hội thường xuyên, gắn kết khu dân cư, niềm tin giữa người với người, cảm giác thuộc về, khả năng tham gia việc chung, tự quản - tình nguyện và cảm nhận tiếng nói được coi trọng. Gắn

quan hệ xã hội với khả năng cùng tham gia và cùng hành động trong cộng đồng. Cụ thể:

- *Tiêu chí 11*: Sự hòa thuận, yêu thương và tôn trọng trong gia đình.
- *Tiêu chí 12*: Sự quan tâm và hỗ trợ giữa các thế hệ trong gia đình.
- *Tiêu chí 13*: Có người có thể tin cậy và nhờ giúp đỡ khi gặp khó khăn.
- *Tiêu chí 14*: Chất lượng các mối quan hệ bạn bè và quan hệ xã hội thường xuyên.
- *Tiêu chí 15*: Gắn kết và tương trợ trong khu dân cư.
- *Tiêu chí 16*: Niềm tin giữa người với người.
- *Tiêu chí 17*: Cảm giác thuộc về và được chấp nhận trong cộng đồng.
- *Tiêu chí 18*: Khả năng tham gia bàn bạc và quyết định công việc chung của cộng đồng dân cư.
- *Tiêu chí 19*: Tham gia tự quản, tương trợ, tình nguyện và sáng kiến cộng đồng.
- *Tiêu chí 20*: Cảm nhận tiếng nói của người dân được coi trọng và có ảnh hưởng thực chất.

(3) Trụ cột III. Các dịch vụ xã hội, an sinh và phúc lợi xã hội (10 tiêu chí).

Phản ánh cảm nhận của người dân về “hệ thống bảo đảm”: y tế, giáo dục, học tập suốt đời, chăm sóc phụ thuộc, bảo hiểm - trợ giúp xã hội, dịch vụ thiết yếu; đồng thời bổ sung khả năng tiếp cận kênh phản ánh và mức độ cơ quan cung cấp dịch vụ/chính quyền lắng nghe, phản hồi. Đo mức độ người dân thực sự tiếp cận, sử dụng và hài lòng với các dịch vụ, an sinh và phúc lợi xã hội, chất lượng dịch vụ công lấy người dân làm trung tâm. Cụ thể:

- *Tiêu chí 21*: Khả năng tiếp cận dịch vụ y tế khi có nhu cầu.
- *Tiêu chí 22*: Chất lượng dịch vụ y tế.
- *Tiêu chí 23*: Tiếp cận y tế dự phòng, sàng lọc và chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- *Tiêu chí 24*: Khả năng tiếp cận giáo dục có chất lượng, an toàn và bình đẳng.
- *Tiêu chí 25*: Cơ hội học tập suốt đời, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng số.
- *Tiêu chí 26*: Khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc cho người cần được chăm sóc.
- *Tiêu chí 27*: Khả năng tiếp cận an sinh, bảo hiểm và trợ giúp xã hội khi khó khăn.
- *Tiêu chí 28*: Khả năng tiếp cận, độ ổn định và khả năng chi trả của dịch vụ thiết yếu.
- *Tiêu chí 29*: Khả năng tiếp cận các kênh phản ánh, kiến nghị và góp ý về dịch vụ, chính sách và vấn đề dân sinh.

- *Tiêu chí 30*: Mức độ chính quyền và cơ quan cung cấp dịch vụ lắng nghe, phản hồi và xử lý ý kiến của người dân.

(4) Trụ cột IV. Văn hóa, môi trường sống, không gian đô thị và chất lượng sống (10 tiêu chí).

Phản ánh trực tiếp trải nghiệm sống tại Thủ đô Hà Nội: chất lượng nhà ở, không gian xanh - công cộng, chất lượng môi trường, vệ sinh - ứng ngập, đi lại, thiết chế văn hóa, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, sức khỏe thể chất - tinh thần và khả năng tham gia góp ý đối với quy hoạch, dự án tác động trực tiếp đến nơi ở và chất lượng sống. Cụ thể:

- *Tiêu chí 31*: Chất lượng và sự phù hợp của nhà ở.
- *Tiêu chí 32*: Khả năng tiếp cận công viên, cây xanh, mặt nước và không gian công cộng.
- *Tiêu chí 33*: Chất lượng môi trường không khí và mức độ dễ chịu của nơi sống.
- *Tiêu chí 34*: Vệ sinh môi trường, rác thải, nước thải, thoát nước và ứng ngập.
- *Tiêu chí 35*: Chất lượng việc đi lại hằng ngày.
- *Tiêu chí 36*: Khả năng tiếp cận, sử dụng và mức độ hài lòng đối với các thiết chế văn hóa, như: nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa - thể thao và không gian sinh hoạt cộng đồng...
- *Tiêu chí 37*: Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, làng nghề và bản sắc Thăng Long - Hà Nội.
- *Tiêu chí 38*: Sức khỏe thể chất tự đánh giá.
- *Tiêu chí 39*: Trạng thái sức khỏe tinh thần và cảm xúc tích cực.
- *Tiêu chí 40*: Khả năng tham gia góp ý quy hoạch, dự án và chính sách tác động trực tiếp đến nơi ở và chất lượng sống.

(5) Trụ cột V. Quản trị đô thị, an toàn, kỷ cương và niềm tin xã hội (10 tiêu chí).

Phản ánh cảm nhận của người dân về môi trường thể chế và an toàn: an toàn cá nhân, rủi ro đô thị, an toàn số, an toàn thực phẩm, kỷ cương, công bằng pháp luật, minh bạch, liêm chính, chất lượng hành chính, niềm tin thể chế và khả năng người dân tham gia giám sát hoạt động của chính quyền, dịch vụ công và đầu tư công. Cụ thể:

- *Tiêu chí 41*: Cảm giác an toàn về người, tài sản và trật tự nơi sinh sống.
- *Tiêu chí 42*: An toàn giao thông, cháy nổ và khả năng ứng phó tình huống khẩn cấp.

- *Tiêu chí 43*: An toàn trên môi trường số và bảo vệ thông tin cá nhân.
- *Tiêu chí 44*: Mức độ an tâm về an toàn thực phẩm.
- *Tiêu chí 45*: Sự công bằng, bình đẳng và nhất quán trong thực thi pháp luật.
- *Tiêu chí 46*: Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền.
- *Tiêu chí 47*: Liêm chính và hiệu quả phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.
- *Tiêu chí 48*: Chất lượng và sự thuận tiện của dịch vụ hành chính công.
- *Tiêu chí 49*: Niềm tin vào chính quyền và các thiết chế công.
- *Tiêu chí 50*: Khả năng tham gia giám sát hoạt động của chính quyền, dịch vụ công và đầu tư công.

(Bộ tiêu chí và Mẫu phiếu chi tiết tại Phụ lục).

2. Thang đo và quy đổi điểm

a) Thang điểm

Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội được tính và công bố theo thang điểm 10. Điểm càng cao thể hiện mức độ cảm nhận tích cực và mức độ hạnh phúc của người dân càng cao.

b) Thang đo đối với từng tiêu chí

Mỗi tiêu chí sử dụng thang đo Likert 05 mức, phản ánh mức độ đánh giá hoặc cảm nhận của người trả lời theo chiều từ thấp đến cao. Tùy theo nội dung của từng câu hỏi, cách diễn đạt các mức trả lời có thể được điều chỉnh cho phù hợp (như: “Rất kém – Rất tốt”; “Rất không hài lòng – Rất hài lòng”; “Rất không an tâm – Rất an tâm”; “Hoàn toàn không đồng ý – Hoàn toàn đồng ý”. 05 mức đánh giá được quy đổi trực tiếp sang thang điểm 10, như sau:

Mức 1 – “Rất kém”: 2 điểm;

Mức 2 – “Kém”: 4 điểm;

Mức 3 – “Trung bình”: 6 điểm;

Mức 4 – “Tốt”: 8 điểm;

Mức 5 – “Rất tốt”: 10 điểm.

3. Công thức tính

a) Công thức tính điểm tiêu chí (thang điểm 10):

Điểm tiêu chí (H_n) được xác định bằng trung bình trọng số của các mức độ đánh giá, trong đó tỷ lệ người lựa chọn mỗi phương án được nhân với hệ số điểm tương ứng:

$$H_n = (T_{RT} \times 10) + (T_T \times 8) + (T_{TB} \times 6) + (T_K \times 4) + (T_{RK} \times 2)$$

Trong đó:

H_n : Điểm của chỉ tiêu thứ n ;

T_{RT} : Tỷ lệ lựa chọn “Rất tốt”

T_T : Tỷ lệ lựa chọn “Tốt”

T_{TB} : Tỷ lệ lựa chọn “Trung bình”

T_K : Tỷ lệ lựa chọn “Kém”

T_{RK} : Tỷ lệ lựa chọn “Rất kém”

b) Công thức tính điểm chỉ số thành phần:

Điểm của mỗi chỉ số thành phần (HTP) được tính bằng điểm trung bình của các chỉ tiêu có tính điểm thuộc chỉ số đó:

$$HTP_n = \frac{H_1 + H_2 + H_3 + \dots + H_n}{n}$$

Trong đó:

HTP_n : điểm chỉ số thành phần thứ n ;

H_n : Điểm chỉ tiêu thứ n ;

n : số lượng các chỉ tiêu tính điểm trong chỉ số thành phần HTP_n .

c) Công thức tính Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội (thang điểm 10):

Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội - **HHI** được tính trên cơ sở điểm của các chỉ số thành phần có tính điểm:

$$HHI = 10 * \frac{HTP_1 + HTP_2 + \dots + HTP_i}{i}$$

Trong đó:

HTP_i : Điểm chỉ số thành phần thứ i

i : Số lượng chỉ số thành phần của HHI

Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội - **HHI** được tính trên cơ sở các chỉ số thành phần (HTP). Đối với các tiêu chí được xác định là nội dung mở rộng, theo dõi hoặc không tính điểm, kết quả khảo sát được sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phân tích, kiểm định và tham khảo, không đưa vào Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội - **HHI** và phân loại chung.

Đối với các tiêu chí không thuộc phạm vi tương tác của đối tượng khảo sát (để trống), việc xử lý được thực hiện theo nguyên tắc đã quy định trong phiếu và phương pháp khảo sát. Các trường hợp này không mặc nhiên quy đổi thành mức đánh giá thấp, nhằm bảo đảm kết quả phản ánh đúng phạm vi trải nghiệm thực tế của người trả lời.

4. Trọng số khảo sát, sai số và khoảng tin cậy

a) Trọng số khảo sát

Trọng số khảo sát được sử dụng khi tổng hợp kết quả từ mẫu khảo sát để ước tính cho toàn bộ dân số Thủ đô. Trọng số cơ sở của mỗi người được xác định trên cơ sở xác suất người đó được lựa chọn vào mẫu qua các bước chọn mẫu.

Sau khi khảo sát, trọng số được hiệu chỉnh theo cơ cấu dân số thực tế hằng năm của Thành phố nhằm nâng cao tính đại diện của kết quả. Các đặc điểm sử dụng để hiệu chỉnh, gồm: xã/phường; giới tính; nhóm tuổi; tình trạng cư trú; trình độ học vấn, dân tộc....

b) Sai số và khoảng tin cậy

Do mẫu khảo sát được thiết kế theo phương pháp phân tầng và lựa chọn người trả lời theo địa bàn, việc tính sai số và khoảng tin cậy phải phù hợp với thiết kế mẫu thực tế.

Khi cỡ mẫu đáp ứng yêu cầu thống kê, các kết quả chủ yếu gồm Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội, Chỉ số thành phần (05 trụ cột) và Chỉ số theo xã, phường được báo cáo kèm khoảng tin cậy 95%.

IV. PHƯƠNG THỨC KHẢO SÁT, KIỂM ĐỊNH VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU

1. Khảo sát trực tiếp

Khảo sát trực tiếp hằng năm là nguồn dữ liệu chính thức để tính Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội. Năm 2026 thực hiện phỏng vấn trực tiếp bằng bảng hỏi trên phiếu giấy được kiểm soát, mã hóa trước khi nhập dữ liệu. Người được chọn trả lời theo trải nghiệm và đánh giá của chính mình; điều tra viên không được gợi ý, định hướng hoặc trả lời thay.

2. Khảo sát trực tuyến

a) Song song với khảo sát trực tiếp, triển khai phiên bản khảo sát Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội rút gọn hoặc các chuyên đề luân phiên trên Ứng dụng Công dân Thủ đô số - iHanoi hoặc trên các nền tảng trực tuyến chính thức khác được lựa chọn để tiếp nhận phản hồi thường xuyên, theo dõi nhanh xu hướng và phát hiện vấn đề mới.

b) Dữ liệu iHanoi hoặc trên các nền tảng trực tuyến chính thức khác được lựa chọn là dữ liệu tự nguyện tham gia nên không cộng trực tiếp với mẫu xác suất trực tiếp để tính Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội chính thức. Kết quả iHanoi được tính toán và báo cáo riêng, hiệu chỉnh theo hồ sơ người dùng trong khoảng thời gian nhất định và sử dụng để theo dõi xu hướng, cảnh báo sớm, thử nghiệm và lựa chọn chủ đề nghiên cứu sâu.

c) Thời gian triển khai khảo sát trên iHanoi hoặc trên các nền tảng trực tuyến chính thức khác được lựa chọn sẽ được thông báo mục đích khảo sát, bảo đảm đồng thuận tham gia, hạn chế thu thập dữ liệu định danh, chống trả lời lặp, ghi nhận thời điểm và phiên bản bảng hỏi, bảo đảm an toàn thông tin và công bố rõ đây là nguồn dữ liệu trực tuyến bổ trợ. Việc hợp nhất hai nguồn dữ liệu chỉ xem xét sau khi hệ thống có kiểm soát được sai số.

3. Câu hỏi kiểm định độc lập và dữ liệu đối chứng

a) Sử dụng câu H0: “Với thang từ 0 đến 10, trong đó: 0 là cuộc sống tệ nhất và 10 là cuộc sống tốt nhất có thể. Hiện Ông/Bà cảm nhận đang ở bậc nào?”. Câu H0 không tính vào Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội, được sử dụng để kiểm định độc lập kết quả Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội.

b) Dữ liệu, số liệu thống kê khách quan về thu nhập, việc làm, y tế, giáo dục, an sinh, môi trường, giao thông, văn hóa, an toàn, hành chính công và các chỉ báo phù hợp khác được sử dụng để đối chiếu, giải thích và kiểm chứng kết quả, không cộng trực tiếp vào Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội.

4. Câu hỏi nhu cầu, kỳ vọng, mong đợi của người dân

a) Sử dụng câu hỏi về nhu cầu hiện tại và tương lai của người dân (*câu H1*); câu hỏi về kỳ vọng, mong đợi của người dân từ các cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền địa phương (*câu H2*)... để thu thập thông tin về nhu cầu, kỳ vọng, mong đợi của người dân đối với từng trụ cột, lĩnh vực nhằm nâng cao Chỉ số hạnh phúc của người dân. Số lượng câu hỏi nhu cầu, kỳ vọng, mong đợi của người dân được xây dựng tại Phiếu khảo sát, đo lường hằng năm theo yêu cầu thu thập, phân tích, nghiên cứu chính sách.

b) Dữ liệu thu thập, tổng hợp dựa trên kết quả khảo sát, là cơ sở để đề xuất chính sách; giải pháp cải thiện, nâng cao chất lượng sống và hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội trong thời gian tiếp theo.

V. QUY TRÌNH TRIỂN KHAI ĐO LƯỜNG VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

Bước 1. Rà soát, hoàn thiện phương pháp và xây dựng kế hoạch đánh giá

Hằng năm, đơn vị chủ trì tổ chức rà soát việc triển khai Bộ tiêu chí, phương pháp khảo sát đo lường, phương án tính chỉ số và các yêu cầu kỹ thuật trên cơ sở kết quả của kỳ đánh giá trước, những thay đổi về thể chế, tổ chức bộ máy và yêu cầu phát triển của Thành phố. Việc rà soát, điều chỉnh kỹ thuật hằng năm phải bảo đảm tính ổn định của Bộ tiêu chí, không làm thay đổi tùy tiện cấu trúc và nội hàm các trụ cột tiêu chí, ảnh hưởng đến khả năng so sánh kết quả giữa các năm.

Trên cơ sở đó, xây dựng Kế hoạch triển khai khảo sát, đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội, trong đó xác định cụ thể đối tượng, phạm vi,

thời gian, phương thức khảo sát, quy mô và phân bổ mẫu, yêu cầu nhân lực, kinh phí, tiến độ thực hiện, phương án kiểm soát chất lượng và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan.

Bước 2. Xây dựng và xác nhận mẫu khảo sát

Căn cứ Kế hoạch được phê duyệt, tiến hành thu thập, tổng hợp và đối chiếu các nguồn dữ liệu để xây dựng số lượng mẫu khảo sát người dân trên địa bàn xã/phường.

Số lượng mẫu được rà soát, làm sạch và xác định theo các nguyên tắc đã xây dựng, bảo đảm đúng đối tượng, có khả năng đại diện và hạn chế trùng lặp. UBND các xã, phường có trách nhiệm phối hợp cung cấp, xác nhận thông tin thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của Đơn vị chủ trì.

Bước 3. Chuẩn bị và tổ chức khảo sát

Trước khi triển khai chính thức, tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ điều tra viên, hỗ trợ khảo sát và các lực lượng tham gia có liên quan; đồng thời chuẩn bị phiếu khảo sát, tài liệu hướng dẫn và các điều kiện kỹ thuật cần thiết.

Việc khảo sát được thực hiện kết hợp giữa khảo sát trực tiếp và khảo sát trực tuyến, trong đó hình thức, tỷ lệ và phạm vi áp dụng từng phương thức được xác định trong Kế hoạch triển khai hằng năm, phù hợp với đặc điểm đối tượng khảo sát, điều kiện thực tế và yêu cầu bảo đảm chất lượng dữ liệu.

Trong quá trình khảo sát, cơ quan chủ trì theo dõi tiến độ phản hồi, kịp thời xử lý những khó khăn trong tiếp cận đối tượng và thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm cơ cấu, tính đại diện và chất lượng của mẫu khảo sát.

Bước 4. Kiểm tra, làm sạch và xác thực dữ liệu

Sau khi kết thúc hoặc theo từng đợt thu thập, dữ liệu khảo sát được kiểm tra về tính đầy đủ, hợp lệ, trùng lặp và các dấu hiệu bất thường. Thực hiện xác minh ngẫu nhiên một tỷ lệ phù hợp các phiếu khảo sát nhằm kiểm tra tính xác thực của việc tham gia và nội dung trả lời.

Các phiếu không đáp ứng điều kiện khảo sát hoặc không bảo đảm độ tin cậy được xử lý theo quy định trước khi hình thành bộ dữ liệu chính thức.

Kết quả của bước này là bộ dữ liệu khảo sát, đo lường về hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội đã được kiểm tra và khóa dữ liệu, làm cơ sở duy nhất để thực hiện tính Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội.

Bước 5. Tính chỉ số, phân loại và phân tích kết quả

Trên cơ sở bộ dữ liệu khảo sát chính thức, thực hiện tính chỉ số các tiêu chí, tiêu chí thành phần và Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội theo phương pháp đã được xác định; sau đó phân loại kết quả đối với từng nhóm đối tượng.

Đồng thời, tiến hành phân tích kết quả theo từng chỉ số thành phần, từng nhóm tiêu chí và từng nhóm đối tượng để nhận diện những điểm mạnh, hạn chế và vấn đề cần quan tâm.

Số liệu hành chính, số liệu quản lý và thông tin do các cơ quan, đơn vị cung cấp được sử dụng ở bước này với mục đích tham khảo, đối chiếu và giải thích, phân tích kết quả, không sử dụng để tính hoặc điều chỉnh Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội.

Bước 6. Xây dựng báo cáo và công bố kết quả

Đơn vị chủ trì tổng hợp kết quả, xây dựng báo cáo phân tích đánh giá Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội, xây dựng các báo cáo nghiên cứu, phân tích chuyên sâu, trong đó bao gồm kết quả chung, kết quả theo từng nhóm đối tượng, phân tích các chỉ số thành phần và những vấn đề, lĩnh vực cần cải thiện, nâng cao.

Kết quả được rà soát, kiểm tra trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, công bố. Hình thức và phạm vi công bố được thực hiện theo Kế hoạch triển khai và quy định của Thành phố, bảo đảm công khai kết quả đo lường nhưng không công khai thông tin nhận diện của người dân tham gia khảo sát.

Bước 7. Theo dõi, phản hồi và cải thiện sau đánh giá

Sau khi công bố kết quả, các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố nghiên cứu Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của mình; xác định những nội dung cần ưu tiên cải thiện và tổ chức thực hiện các giải pháp phù hợp, hiệu quả.

Cơ quan chủ trì theo dõi việc tiếp nhận và sử dụng kết quả, tổng hợp những vấn đề có tính hệ thống hoặc liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị để tham mưu Thành phố chỉ đạo xử lý. Kết quả và kinh nghiệm của kỳ đánh giá trước được sử dụng làm đầu vào cho việc xây dựng Kế hoạch và tổ chức đánh giá của năm tiếp theo.

Phương án đo lường Chỉ số hạnh phúc hằng năm, gồm: phiếu điều tra xã hội học; tài liệu hướng dẫn điều tra; khung chọn mẫu; quy trình kiểm soát chất lượng; bảng mã dữ liệu; bộ trọng số mẫu; cách tính chỉ số; báo cáo khảo sát; báo cáo phục vụ đề xuất chính sách; và hệ thống chỉ báo khách quan để đối chiếu, kiểm chứng kết quả.

Sau khi năm cơ sở (2026) được xác lập, việc xây dựng các ngưỡng mô tả, mức điểm mục tiêu trung gian hoặc điều chỉnh trọng số chỉ được xem xét trên cơ sở dữ liệu, số liệu thực tế và căn cứ khoa học và thực tiễn, chính sách rõ ràng; không xác định tùy ý ngưỡng “hạnh phúc/không hạnh phúc” trước khi có phân bố thực tế.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội

- Chủ trì tổ chức triển khai khảo sát, đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội theo Bộ tiêu chí và phương pháp đo lường đã được phê duyệt; tham mưu UBND Thành phố xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai khảo sát, đo lường hằng năm.

- Xây dựng phương án khảo sát và mẫu phiếu; tổ chức, quản lý, xử lý dữ liệu khảo sát; tổng hợp kết quả, báo cáo UBND Thành phố; phối hợp thông tin, tuyên truyền về triển khai và kết quả đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, giám sát quá trình triển khai, bảo đảm tính độc lập, khách quan và bảo mật thông tin của đối tượng khảo sát.

- Căn cứ yêu cầu, quy mô và điều kiện thực tế, lựa chọn, thuê hoặc phối hợp với đơn vị tư vấn, đơn vị cung cấp nền tảng công nghệ và các tổ chức, cá nhân có năng lực thực hiện các công việc chuyên môn, kỹ thuật và hỗ trợ khảo sát theo quy định.

- Phối hợp với chuyên gia xây dựng các báo cáo nghiên cứu chuyên sâu phân tích, đề xuất giải pháp nâng cao Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội hằng năm.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu UBND Thành phố tổ chức Hội nghị công bố Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội hằng năm.

- Thường xuyên nghiên cứu, tham mưu điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí, đối tượng đo lường, mẫu phiếu khảo sát đảm bảo phù hợp với từng giai đoạn và tình hình thực tế phát triển Thành phố trong những năm tiếp theo.

2. Thống kê thành phố Hà Nội

- Phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội cung cấp số liệu dân số cấp xã hằng năm phục vụ việc xác định và phân bổ mẫu khảo sát, đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội hằng năm; cung cấp số liệu kinh tế - xã hội để đối chiếu và giải thích, phân tích kết quả Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội.

- Phối hợp với Viện trong quá trình tổ chức khảo sát, đo lường; hỗ trợ về nghiệp vụ thống kê, phương pháp khảo sát, xác định và tiếp cận đối tượng, thu thập dữ liệu và kiểm soát chất lượng thông tin khảo sát theo phạm vi, trách nhiệm được phân công.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố

Phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội tổ chức khảo sát, đo lường trực tuyến Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội theo kế hoạch hằng năm, bảo đảm yêu cầu về đồng thuận tham gia của người dân, kiểm soát phương án trả lời lặp; đảm bảo điều kiện triển khai khảo sát trực tuyến, thu thập thông tin thường xuyên và an toàn thông tin, dữ liệu trên Ứng dụng Công dân Thủ đô số - iHanoi.

4. Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường

a) Các sở, ban, ngành

- Phối hợp góp ý, hoàn thiện Bộ tiêu chí và phương pháp đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội hằng năm.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời số liệu kinh tế - xã hội để đối chiếu và giải thích, phân tích kết quả Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội.

- Phối hợp theo dõi, tiếp nhận kết quả đánh giá; xây dựng kế hoạch, giải pháp khắc phục tồn tại, nâng cao chất lượng điều hành và phục vụ người dân.

b) UBND các xã, phường

- Phối hợp góp ý, hoàn thiện Bộ tiêu chí và phương pháp khảo sát, đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội hằng năm.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời danh sách người dân trên địa bàn theo phương án khảo sát, đo lường khi Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội đề nghị theo Kế hoạch.

- Phân công đầu mối thường trực để phối hợp trong quá trình triển khai khảo sát, đo lường trên địa bàn theo Kế hoạch; phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ tổ chức khảo sát và cung cấp thông tin phục vụ triển khai khảo sát, đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội hằng năm.

- Phối hợp theo dõi, tiếp nhận kết quả đánh giá; xây dựng kế hoạch, giải pháp khắc phục tồn tại, nâng cao chất lượng điều hành và phục vụ người dân.

5. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội

Phối hợp tổ chức tuyên truyền, vận động người dân, đoàn viên, hội viên tham gia công tác khảo sát, đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội; lồng ghép vào các cuộc vận động, phong trào và các chương trình hoạt động công tác xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân Thủ đô.

6. Các cơ quan báo, đài thuộc thành phố Hà Nội

Cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Nội; Cổng thông tin điện tử UBND Thành phố; Trung tâm báo chí Thủ đô phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội và các đơn vị liên quan thông tin, tuyên truyền về công tác triển khai khảo sát, đo lường Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội hằng năm.

PHỤ LỤC I
BỘ TIÊU CHÍ CHỈ SỐ HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI DÂN
THỦ ĐÔ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2026-2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND Thành phố)*

Bộ tiêu chí gồm: 50 tiêu chí thuộc 05 trụ cột, mỗi trụ cột 10 tiêu chí. Câu H0 đánh giá tổng thể về cuộc sống là câu kiểm định độc lập; Câu H1 phản ánh nhu cầu hiện tại và tương lai của người dân; Câu H2 phản ánh hỏi về kỳ vọng, mong đợi của người dân từ các cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền địa phương; Kết quả Câu H0, Câu H1 và Câu H2 không tính vào Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội.

STT	Mã Tiêu chí	Tên tiêu chí
TRỤ CỘT I. ĐỜI SỐNG KINH TẾ, VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN (10 tiêu chí)		
1	H1.1	Khả năng thu nhập đáp ứng nhu cầu thiết yếu.
2	H1.2	Khả năng dự phòng và chống chịu tài chính.
3	H1.3	Sự ổn định của việc làm, sinh kế và nguồn sống.
4	H1.4	Chất lượng và điều kiện làm việc, sinh kế.
5	H1.5	Cân bằng công việc - cuộc sống.
6	H1.6	Cơ hội tìm việc tốt hơn, phát triển nghề nghiệp và nâng cao thu nhập.
7	H1.7	Cơ hội kinh doanh, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.
8	H1.8	Niềm tin vào triển vọng cải thiện mức sống trong tương lai.
9	H1.9	Quyền tự chủ và khả năng lựa chọn trong những quyết định quan trọng của cuộc sống.
10	H1.10	Khả năng chi trả và sự ổn định về chỗ ở.
TRỤ CỘT II. MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (10 tiêu chí)		
11	H2.1	Sự hòa thuận, yêu thương và tôn trọng trong gia đình.
12	H2.2	Sự quan tâm và hỗ trợ giữa các thế hệ trong gia đình.
13	H2.3	Có người có thể tin cậy và nhờ giúp đỡ khi gặp khó khăn.
14	H2.4	Chất lượng các mối quan hệ bạn bè và quan hệ xã hội thường xuyên.
15	H2.5	Gắn kết và tương trợ trong khu dân cư.

STT	Mã Tiêu chí	Tên tiêu chí
16	H2.6	Niềm tin giữa người với người.
17	H2.7	Cảm giác thuộc về và được chấp nhận trong cộng đồng.
18	H2.8	Khả năng tham gia bàn bạc và quyết định công việc chung của cộng đồng dân cư.
19	H2.9	Tham gia tự quản, tương trợ, tình nguyện và sáng kiến cộng đồng.
20	H2.10	Cảm nhận tiếng nói của người dân được coi trọng và có ảnh hưởng thực chất.
TRỤ CỘT III. CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI, AN SINH VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI (10 tiêu chí)		
21	H3.1	Khả năng tiếp cận dịch vụ y tế khi có nhu cầu.
22	H3.2	Chất lượng dịch vụ y tế.
23	H3.3	Tiếp cận y tế dự phòng, sàng lọc và chăm sóc sức khỏe ban đầu.
24	H3.4	Khả năng tiếp cận giáo dục có chất lượng, an toàn và bình đẳng.
25	H3.5	Cơ hội học tập suốt đời, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng số.
26	H3.6	Khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc cho người cần được chăm sóc.
27	H3.7	Khả năng tiếp cận an sinh, bảo hiểm và trợ giúp xã hội khi khó khăn.
28	H3.8	Khả năng tiếp cận, độ ổn định và khả năng chi trả của dịch vụ thiết yếu.
29	H3.9	Khả năng tiếp cận các kênh phản ánh, kiến nghị và góp ý về dịch vụ, chính sách và vấn đề dân sinh.
30	H3.10	Mức độ chính quyền và cơ quan cung cấp dịch vụ lắng nghe, phản hồi và xử lý ý kiến của người dân.
TRỤ CỘT IV. VĂN HÓA, MÔI TRƯỜNG SỐNG, KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ VÀ CHẤT LƯỢNG SỐNG (10 tiêu chí)		
31	H4.1	Chất lượng và sự phù hợp của nhà ở.
32	H4.2	Khả năng tiếp cận công viên, cây xanh, mặt nước và không gian công cộng.
33	H4.3	Chất lượng môi trường không khí và mức độ dễ chịu của nơi sống.
34	H4.4	Vệ sinh môi trường, rác thải, nước thải, thoát nước và ngập úng.
35	H4.5	Chất lượng việc đi lại hằng ngày.
36	H4.6	Khả năng tiếp cận, sử dụng và mức độ hài lòng đối với các thiết chế văn hóa, như: nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa - thể thao và không gian sinh hoạt cộng đồng...

STT	Mã Tiêu chí	Tên tiêu chí
37	H4.7	Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, làng nghề và bản sắc Thăng Long - Hà Nội.
38	H4.8	Sức khỏe thể chất tự đánh giá.
39	H4.9	Trạng thái sức khỏe tinh thần và cảm xúc tích cực.
40	H4.10	Khả năng tham gia góp ý quy hoạch, dự án và chính sách tác động trực tiếp đến nơi ở và chất lượng sống.
TRỤ CỘT V. QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ, AN TOÀN, KỶ CƯƠNG VÀ NIỀM TIN XÃ HỘI (10 tiêu chí)		
41	H5.1	Cảm giác an toàn về người, tài sản và trật tự nơi sinh sống.
42	H5.2	An toàn giao thông, cháy nổ và khả năng ứng phó tình huống khẩn cấp.
43	H5.3	An toàn trên môi trường số và bảo vệ thông tin cá nhân.
44	H5.4	Mức độ an tâm về an toàn thực phẩm.
45	H5.5	Sự công bằng, bình đẳng và nhất quán trong thực thi pháp luật.
46	H5.6	Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền.
47	H5.7	Liên chính và hiệu quả phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.
48	H5.8	Chất lượng và sự thuận tiện của dịch vụ hành chính công.
49	H5.9	Niềm tin vào chính quyền và các thiết chế công.
50	H5.10	Khả năng tham gia giám sát hoạt động của chính quyền, dịch vụ công và đầu tư công.
KIỂM ĐỊNH; NHU CẦU, KỶ VỌNG, MONG ĐỢI		
	H0	Đánh giá tổng thể về cuộc sống.
	H1	Nhu cầu trong hiện tại và tương lai.
	H2	Kỳ vọng, mong đợi từ các cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền địa phương.

PHỤ LỤC II
MẪU PHIẾU SỐ 01 - PHIẾU KHẢO SÁT TRỰC TIẾP ĐO LƯỜNG CHỈ SỐ HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI DÂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND Thành phố)

Phiếu dùng cho khảo sát trực tiếp theo mẫu xác suất. Người trả lời từ 18 tuổi trở lên được chọn ngẫu nhiên theo phương án mẫu và tự trả lời theo trải nghiệm, đánh giá của bản thân. Thông tin thu thập chỉ sử dụng cho mục đích thống kê, nghiên cứu, xây dựng Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội (HHI) và đề xuất chính sách; phương án trả lời cá nhân không được công bố gắn với thông tin định danh.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Đối với 50 câu H1.1-H5.10, chọn 01 mức từ 1 đến 5 theo chiều từ đánh giá thấp/không hài lòng/không an tâm đến đánh giá cao/hài lòng/an tâm. Tùy nội dung câu hỏi, nhãn ngữ nghĩa được hiểu phù hợp với câu hỏi.

1	2	3	4	5
Rất thấp / Rất không hài lòng	Thấp / Không hài lòng	Trung bình / Tương đối hài lòng	Cao / Hài lòng	Rất cao / Rất hài lòng

A. THÔNG TIN CHUNG

A1. Mã phiếu	HHI 1... HHI n
A2. Xã/phường	
A3. Tổ dân phố/thôn	
A4. Ngày phỏng vấn	 / / 2026
A5. Mã điều tra viên	
A6. Độ tuổi:	(1) 18 - 25 tuổi; (2) 26 - 34 tuổi; (3) 35 - 49 tuổi; (4) 50 - 60 tuổi; (5) Trên 60 tuổi.
A7. Giới	(1) Nam (2) Nữ
A8. Dân tộc	1. Kinh 2. Khác (xin viết cụ thể):
A9. Trình độ học vấn cao nhất	1. Tiểu học (cấp I) 2. Trung học cơ sở (cấp II) 3. Trung học phổ thông (cấp III) 4. Dạy nghề/Trung cấp/Cao đẳng 5. Đại học/ trên Đại học 6. Khác (xin viết cụ thể):

A10. Nghề nghiệp hiện nay	1. Nghỉ hưu 2. Không đi làm (ở nhà) 3. Làm công việc tự do (không ký hợp đồng lao động) 4. Sinh viên 5. Làm việc tại tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực tư 6. Làm việc tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực công 7. Khác (xin viết cụ thể):
A11. Tình trạng cư trú	(1) Thường trú (2) Tạm trú/thuê nhà dài hạn (3) Khác
A12. Thu nhập cá nhân (nếu đồng ý cung cấp)	 (Từ chối: ☐)

B. ĐÁNH GIÁ 05 TRỤ CỘT TIÊU CHÍ HHI

Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Phương án trả lời (Chọn dấu ☒ mức từ 1 đến 5 theo chiều từ thấp đến cao)
I.	ĐỜI SỐNG KINH TẾ, VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN	
H1.1	Ông/Bà đánh giá mức thu nhập hiện nay của gia đình đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.2	Gia đình Ông/Bà có khả năng ứng phó về tài chính khi phát sinh một khoản chi lớn ngoài dự kiến ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.3	Ông/Bà đánh giá mức độ ổn định của việc làm, sinh kế và nguồn sống chính của bản thân/gia đình như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.4	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với chất lượng và điều kiện công việc hoặc sinh kế hiện nay của bản thân/gia đình?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.5	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với sự cân bằng giữa công việc, gia đình, nghỉ ngơi và cuộc sống cá nhân?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.6	Ông/Bà đánh giá cơ hội tìm việc tốt hơn, phát triển nghề nghiệp và cải thiện thu nhập tại Hà Nội ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.7	Ông/Bà đánh giá mức độ thuận lợi để người dân có nhu cầu kinh doanh, khởi nghiệp hoặc triển khai sáng kiến tại Hà Nội như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎

Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Phương án trả lời (Chọn dấu ☒ mức từ 1 đến 5 theo chiều từ thấp đến cao)
H1.8	Ông/Bà tin tưởng ở mức nào về điều kiện kinh tế và mức sống của gia đình sẽ được cải thiện trong 3-5 năm tới?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.9	Ông/Bà cảm thấy mình có quyền tự chủ và khả năng lựa chọn đối với những quyết định quan trọng của cuộc sống ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.10	Ông/Bà đánh giá mức độ an tâm về chỗ ở và khả năng chi trả chi phí nhà ở của gia đình như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
II.	MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI	
H2.1	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với sự hòa thuận, yêu thương và tôn trọng giữa các thành viên trong gia đình?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.2	Các thế hệ trong gia đình Ông/Bà quan tâm, chăm sóc và hỗ trợ lẫn nhau ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.3	Khi gặp khó khăn nghiêm trọng, Ông/Bà cảm thấy mình có người có thể tin cậy và nhờ giúp đỡ ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.4	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với các mối quan hệ bạn bè và những người thường xuyên giao tiếp?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.5	Ông/Bà đánh giá mức độ gắn kết và sẵn sàng tương trợ giữa những người trong khu dân cư ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.6	Ông/Bà tin tưởng những người xung quanh trong các quan hệ xã hội hằng ngày ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.7	Ông/Bà cảm thấy mình được cộng đồng nơi sinh sống chấp nhận và là một phần của cộng đồng ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.8	Ông/Bà đánh giá khả năng người dân được tham gia bàn bạc và quyết định những vấn đề chung của cộng đồng dân cư ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.9	Ông/Bà đánh giá mức độ người dân tại cộng đồng tích cực tham gia tự quản, tương trợ, tình nguyện hoặc đề xuất sáng kiến chung như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎

Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Phương án trả lời (Chọn dấu ☒ mức từ 1 đến 5 theo chiều từ thấp đến cao)
H2.10	Ông/Bà cảm thấy tiếng nói của mình, của người dân được coi trọng và có khả năng tạo ảnh hưởng tích cực đối với những vấn đề liên quan đến cộng đồng và sự phát triển của Hà Nội ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
III. CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI, AN SINH VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI		
H3.1	Ông/Bà đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh phù hợp khi có nhu cầu ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.2	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với chất lượng dịch vụ y tế mà người dân Hà Nội có thể tiếp cận?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.3	Ông/Bà đánh giá khả năng tiếp cận khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc và các dịch vụ phòng bệnh ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.4	Ông/Bà đánh giá khả năng người dân tại nơi mình sống tiếp cận giáo dục có chất lượng, an toàn và bình đẳng ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.5	Ông/Bà đánh giá cơ hội học tập, đào tạo lại và nâng cao kiến thức, kỹ năng, kỹ năng số ở Hà Nội như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.6	Ông/Bà đánh giá khả năng người dân tại nơi mình sống tiếp cận các dịch vụ chăm sóc phù hợp cho người cần được chăm sóc ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.7	Khi bản thân hoặc gia đình gặp khó khăn, Ông/Bà đánh giá khả năng tiếp cận các chính sách an sinh, bảo hiểm hoặc trợ giúp cần thiết ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.8	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với khả năng tiếp cận, tính ổn định và chi phí của các dịch vụ thiết yếu tại nơi ở?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.9	Ông/Bà đánh giá mức độ thuận tiện của các kênh để người dân phản ánh, kiến nghị và góp ý về dịch vụ, chính sách và các vấn đề dân sinh như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.10	Ông/Bà đánh giá mức độ chính quyền và các cơ quan cung cấp dịch vụ lắng nghe, phản hồi và xử lý ý kiến, kiến nghị của người dân như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎

Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Phương án trả lời (Chọn dấu ☒ mức từ 1 đến 5 theo chiều từ thấp đến cao)
IV. VĂN HÓA, MÔI TRƯỜNG SỐNG, KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ VÀ CHẤT LƯỢNG SỐNG		
H4.1	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với chất lượng và mức độ phù hợp của nhà ở hiện nay đối với nhu cầu gia đình?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.2	Ông/Bà đánh giá khả năng tiếp cận công viên, cây xanh, mặt nước và không gian công cộng tại nơi ở của mình ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.3	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với chất lượng không khí và mức độ dễ chịu của môi trường xung quanh nơi ở?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.4	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với vệ sinh môi trường, thu gom rác, thoát nước và tình trạng ngập úng tại khu vực sinh sống?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.5	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với việc đi lại hằng ngày tại Hà Nội, xét về thời gian, ùn tắc và khả năng tiếp cận giao thông công cộng?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.6	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với khả năng tiếp cận, sử dụng và chất lượng của các thiết chế văn hóa, nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa - thể thao và không gian sinh hoạt cộng đồng... tại nơi mình sống?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.7	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa (di tích, đền, đình, chùa, lễ hội...), làng nghề... và bản sắc Thăng Long - Hà Nội tại địa bàn mình sinh sống và trên địa bàn Thành phố?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.8	Ông/Bà đánh giá tình trạng sức khỏe thể chất hiện nay của mình ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.9	Ông/Bà đánh giá trạng thái tinh thần của mình tích cực và ổn định trong thời gian gần đây ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.10	Khi có quy hoạch, dự án hoặc chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến nơi ở và chất lượng sống, Ông/Bà đánh giá cơ hội người dân được tiếp cận thông tin và góp ý ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎

Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Phương án trả lời (Chọn dấu ☒ mức từ 1 đến 5 theo chiều từ thấp đến cao)
V. QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ, AN TOÀN, PHÁP LUẬT VÀ NIỀM TIN XÃ HỘI		
H5.1	Ông/Bà cảm thấy an toàn về người, tài sản và trật tự khi sinh sống, đi lại tại Hà Nội ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.2	Ông/Bà cảm thấy an tâm ở mức nào trước các rủi ro giao thông, cháy nổ và các tình huống khẩn cấp tại nơi sinh sống?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.3	Ông/Bà cảm thấy an toàn ở mức nào khi sử dụng internet, nền tảng số và các dịch vụ số?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.4	Ông/Bà cảm thấy an tâm ở mức nào về chất lượng và an toàn thực phẩm mà gia đình thường xuyên sử dụng tại Hà Nội?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.5	Ông/Bà đánh giá mức độ công bằng, bình đẳng và nhất quán trong thực thi pháp luật tại Hà Nội như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.6	Ông/Bà đánh giá mức độ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.7	Ông/Bà đánh giá mức độ liêm chính và hiệu quả phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí của các cơ quan chính quyền tại Hà Nội như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.8	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với chất lượng và sự thuận tiện của dịch vụ hành chính công tại Hà Nội?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.9	Ông/Bà tin tưởng ở mức nào vào chính quyền Thành phố, chính quyền cơ sở và các cơ quan chính quyền phục vụ người dân?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.10	Ông/Bà đánh giá khả năng người dân tham gia giám sát hoạt động của chính quyền, dịch vụ công và đầu tư công ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎

C. CÂU HỎI KIỂM ĐỊNH ĐỘC LẬP (KHÔNG TÍNH VÀO HHI)

H0	<p>Với thang từ 0 đến 10, trong đó: 0 là cuộc sống tệ nhất và 10 là cuộc sống tốt nhất có thể. Hiện Ông/Bà đang ở bậc nào?</p> <p>Điểm lựa chọn: ☐₍₁₎ ☐₍₂₎ ☐₍₃₎ ☐₍₄₎ ☐₍₅₎ ☐₍₆₎ ☐₍₇₎ ☐₍₈₎ ☐₍₉₎ ☐₍₁₀₎</p>
----	--

D. CÂU HỎI NHU CẦU, KỶ VỌNG, MONG ĐỢI CỦA NGƯỜI DÂN (KHÔNG TÍNH VÀO HHI)

Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời của người dân
H1	Ông/Bà vui lòng chia sẻ về nhu cầu hiện tại và tương lai của mình trong các lĩnh vực cuộc sống?	
H2	Ông/Bà vui lòng chia sẻ về kỳ vọng, mong đợi của bản thân từ các cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền địa phương?	

PHỤ LỤC III

MẪU PHIẾU SỐ 02 - PHIẾU KHẢO SÁT TRỰC TUYẾN TRÊN iHANOI/ TRÊN CÁC NỀN TẢNG TRỰC TUYẾN CHÍNH THỨC KHÁC, ĐO LƯỜNG CHỈ SỐ HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI DÂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND Thành phố)

Phiếu dùng cho khảo sát trực tuyến trên iHanoi và các nền tảng trực tuyến chính thức khác được lựa chọn như nguồn dữ liệu bổ trợ độc lập. Việc tham gia là tự nguyện. Kết quả khảo sát trực tuyến được báo cáo riêng, dùng để theo dõi xu hướng, cảnh báo sớm, thử nghiệm câu hỏi và hỗ trợ phân tích; không cộng trực tiếp với mẫu xác suất trực tiếp để tính Chỉ số hạnh phúc của người dân Thủ đô Hà Nội (HHI) hằng năm. Từng thời điểm triển khai có thể sử dụng phiên bản rút gọn hoặc các module luân phiên từ bộ câu hỏi chuẩn (đầy đủ) dưới đây theo kế hoạch hằng năm.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Đối với 50 câu H1.1-H5.10, chọn 01 mức từ 1 đến 5 theo chiều từ đánh giá thấp/không hài lòng/không an tâm đến đánh giá cao/hài lòng/an tâm. Tùy nội dung câu hỏi, nhãn ngữ nghĩa được hiểu phù hợp với câu hỏi. Các phương án không trả lời (theo tỷ lệ nhất định, hợp lệ) được ghi nhận riêng và không quy đổi điểm.

1	2	3	4	5
Rất thấp / Rất không hài lòng	Thấp / Không hài lòng	Trung bình / Tương đối hài lòng	Cao / Hài lòng	Rất cao / Rất hài lòng

A. THÔNG TIN CHUNG

A1. Mã phản hồi do hệ thống ghi nhận	
A2. Xã/phường cư trú	
A3. Độ tuổi:	(1) 18 - 25 tuổi; (2) 26 - 34 tuổi; (3) 35 - 49 tuổi; (4) 50 - 60 tuổi; (5) Trên 60 tuổi.
A4. Giới	(1) Nam (2) Nữ
A5. Dân tộc	1. Kinh 2. Khác (xin viết cụ thể):

A6. Trình độ học vấn cao nhất	1. Tiểu học (cấp I) 2. Trung học cơ sở (cấp II) 3. Trung học phổ thông (cấp III) 4. Dạy nghề/Trung cấp/Cao đẳng 5. Đại học/ trên Đại học 6. Khác (xin viết cụ thể):
A7. Nghề nghiệp hiện nay	1. Nghỉ hưu 2. Không đi làm (ở nhà) 3. Làm công việc tự do (không ký hợp đồng lao động) 4. Sinh viên 5. Làm việc tại tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực tư 6. Làm việc tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực công 7. Khác (xin viết cụ thể):
A8. Tình trạng cư trú	(1) Thường trú (2) Tạm trú/thuê nhà dài hạn (3) Khác
A9. Thu nhập cá nhân (nếu đồng ý cung cấp)	 (Từ chối: ☐)

B. ĐÁNH GIÁ 05 TRỤ CỘT TIÊU CHÍ HHI

Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Phương án trả lời (Chọn dấu ☒ mức từ 1 đến 5 theo chiều từ thấp đến cao)
I.	ĐỜI SỐNG KINH TẾ, VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN	
H1.1	Ông/Bà đánh giá mức thu nhập hiện nay của gia đình đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.2	Gia đình Ông/Bà có khả năng ứng phó về tài chính khi phát sinh một khoản chi lớn ngoài dự kiến ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.3	Ông/Bà đánh giá mức độ ổn định của việc làm, sinh kế và nguồn sống chính của bản thân/gia đình như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.4	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với chất lượng và điều kiện công việc hoặc sinh kế hiện nay của bản thân/gia đình?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.5	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với sự cân bằng giữa công việc, gia đình, nghỉ ngơi và cuộc sống cá nhân?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.6	Ông/Bà đánh giá cơ hội tìm việc tốt hơn, phát triển nghề nghiệp và cải thiện thu nhập tại Hà Nội ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎

Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Phương án trả lời (Chọn dấu ☒ mức từ 1 đến 5 theo chiều từ thấp đến cao)
H1.7	Ông/Bà đánh giá mức độ thuận lợi để người dân có nhu cầu kinh doanh, khởi nghiệp hoặc triển khai sáng kiến tại Hà Nội như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.8	Ông/Bà tin tưởng ở mức nào về điều kiện kinh tế và mức sống của gia đình sẽ được cải thiện trong 3-5 năm tới?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.9	Ông/Bà cảm thấy mình có quyền tự chủ và khả năng lựa chọn đối với những quyết định quan trọng của cuộc sống ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H1.10	Ông/Bà đánh giá mức độ an tâm về chỗ ở và khả năng chi trả chi phí nhà ở của gia đình như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
II.	MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI	
H2.1	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với sự hòa thuận, yêu thương và tôn trọng giữa các thành viên trong gia đình?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.2	Các thế hệ trong gia đình Ông/Bà quan tâm, chăm sóc và hỗ trợ lẫn nhau ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.3	Khi gặp khó khăn nghiêm trọng, Ông/Bà cảm thấy mình có người có thể tin cậy và nhờ giúp đỡ ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.4	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với các mối quan hệ bạn bè và những người thường xuyên giao tiếp?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.5	Ông/Bà đánh giá mức độ gắn kết và sẵn sàng tương trợ giữa những người trong khu dân cư ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.6	Ông/Bà tin tưởng những người xung quanh trong các quan hệ xã hội hằng ngày ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.7	Ông/Bà cảm thấy mình được cộng đồng nơi sinh sống chấp nhận và là một phần của cộng đồng ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.8	Ông/Bà đánh giá khả năng người dân được tham gia bàn bạc và quyết định những vấn đề chung của cộng đồng dân cư ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎

Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Phương án trả lời (Chọn dấu ☒ mức từ 1 đến 5 theo chiều từ thấp đến cao)
H2.9	Ông/Bà đánh giá mức độ người dân tại cộng đồng tích cực tham gia tự quản, tương trợ, tình nguyện hoặc đề xuất sáng kiến chung như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H2.10	Ông/Bà cảm thấy tiếng nói của mình, của người dân được coi trọng và có khả năng tạo ảnh hưởng tích cực đối với những vấn đề liên quan đến cộng đồng và sự phát triển của Hà Nội ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
III. CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI, AN SINH VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI		
H3.1	Ông/Bà đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh phù hợp khi có nhu cầu ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.2	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với chất lượng dịch vụ y tế mà người dân Hà Nội có thể tiếp cận?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.3	Ông/Bà đánh giá khả năng tiếp cận khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc và các dịch vụ phòng bệnh ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.4	Ông/Bà đánh giá khả năng người dân tại nơi mình sống tiếp cận giáo dục có chất lượng, an toàn và bình đẳng ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.5	Ông/Bà đánh giá cơ hội học tập suốt đời, đào tạo lại và nâng cao kiến thức, kỹ năng, kỹ năng số ở Hà Nội như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.6	Ông/Bà đánh giá khả năng người dân tại nơi mình sống tiếp cận các dịch vụ chăm sóc phù hợp cho người cần được chăm sóc ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.7	Khi bản thân hoặc gia đình gặp khó khăn, Ông/Bà đánh giá khả năng tiếp cận các chính sách an sinh, bảo hiểm hoặc trợ giúp cần thiết ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.8	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với khả năng tiếp cận, tính ổn định và chi phí của các dịch vụ thiết yếu tại nơi ở?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H3.9	Ông/Bà đánh giá mức độ thuận tiện của các kênh để người dân phản ánh, kiến nghị và góp ý về dịch vụ, chính sách và các vấn đề dân sinh như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎

Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Phương án trả lời (Chọn dấu ☒ mức từ 1 đến 5 theo chiều từ thấp đến cao)
H3.10	Ông/Bà đánh giá mức độ chính quyền và các cơ quan cung cấp dịch vụ lắng nghe, phản hồi và xử lý ý kiến, kiến nghị của người dân như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
IV. VĂN HÓA, MÔI TRƯỜNG SỐNG, KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ VÀ CHẤT LƯỢNG SỐNG		
H4.1	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với chất lượng và mức độ phù hợp của nhà ở hiện nay đối với nhu cầu gia đình?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.2	Ông/Bà đánh giá khả năng tiếp cận công viên, cây xanh, mặt nước và không gian công cộng tại nơi ở của mình ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.3	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với chất lượng không khí và mức độ dễ chịu của môi trường xung quanh nơi ở?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.4	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với vệ sinh môi trường, thu gom rác, thoát nước và tình trạng ngập úng tại khu vực sinh sống?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.5	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với việc đi lại hằng ngày tại Hà Nội, xét về thời gian, ùn tắc và khả năng tiếp cận giao thông công cộng?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.6	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với khả năng tiếp cận, sử dụng và chất lượng của các thiết chế văn hóa, nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa - thể thao và không gian sinh hoạt cộng đồng... tại nơi mình sống?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.7	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa (di tích, đền, đình, chùa, lễ hội...), làng nghề... và bản sắc Thăng Long - Hà Nội tại địa bàn mình sinh sống và trên địa bàn Thành phố?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.8	Ông/Bà đánh giá tình trạng sức khỏe thể chất hiện nay của mình ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H4.9	Ông/Bà đánh giá trạng thái tinh thần của mình tích cực và ổn định trong thời gian gần đây ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎

Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Phương án trả lời (Chọn dấu ☒ mức từ 1 đến 5 theo chiều từ thấp đến cao)
H4.10	Khi có quy hoạch, dự án hoặc chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến nơi ở và chất lượng sống, Ông/Bà đánh giá cơ hội người dân được tiếp cận thông tin và góp ý ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
V. QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ, AN TOÀN, PHÁP LUẬT VÀ NIỀM TIN XÃ HỘI		
H5.1	Ông/Bà cảm thấy an toàn về người, tài sản và trật tự khi sinh sống, đi lại tại Hà Nội ở mức nào?	☒ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.2	Ông/Bà cảm thấy an tâm ở mức nào trước các rủi ro giao thông, cháy nổ và các tình huống khẩn cấp tại nơi sinh sống?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.3	Ông/Bà cảm thấy an toàn ở mức nào khi sử dụng internet, nền tảng số và các dịch vụ số?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.4	Ông/Bà cảm thấy an tâm ở mức nào về chất lượng và an toàn thực phẩm mà gia đình thường xuyên sử dụng tại Hà Nội?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.5	Ông/Bà đánh giá mức độ công bằng, bình đẳng và nhất quán trong thực thi pháp luật tại Hà Nội như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.6	Ông/Bà đánh giá mức độ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.7	Ông/Bà đánh giá mức độ liêm chính và hiệu quả phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí của các cơ quan chính quyền tại Hà Nội như thế nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.8	Ông/Bà hài lòng ở mức nào với chất lượng và sự thuận tiện của dịch vụ hành chính công tại Hà Nội?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.9	Ông/Bà tin tưởng ở mức nào vào chính quyền Thành phố, chính quyền cơ sở và các cơ quan chính quyền phục vụ người dân?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎
H5.10	Ông/Bà đánh giá khả năng người dân tham gia giám sát hoạt động của chính quyền, dịch vụ công và đầu tư công ở mức nào?	☐ ₍₁₎ ☐ ₍₂₎ ☐ ₍₃₎ ☐ ₍₄₎ ☐ ₍₅₎

C. CÂU HỎI KIỂM ĐỊNH ĐỘC LẬP (KHÔNG TÍNH VÀO HHI)

H0	<p>Với thang từ 0 đến 10, trong đó: 0 là cuộc sống tệ nhất và 10 là cuộc sống tốt nhất có thể. Hiện Ông/Bà đang ở bậc nào?</p> <p>Điểm lựa chọn: ☒₍₁₎ ☐₍₂₎ ☐₍₃₎ ☐₍₄₎ ☐₍₅₎ ☐₍₆₎ ☐₍₇₎ ☐₍₈₎ ☐₍₉₎ ☐₍₁₀₎</p>
----	---

D. CÂU HỎI NHU CẦU, KỶ VỌNG, MONG ĐỢI CỦA NGƯỜI DÂN (KHÔNG TÍNH VÀO HHI)

Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời của người dân
H1	Ông/Bà vui lòng chia sẻ về nhu cầu hiện tại và tương lai của mình trong các lĩnh vực cuộc sống?	
H2	Ông/Bà vui lòng chia sẻ về kỳ vọng, mong đợi của bản thân từ các cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền địa phương?	